TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 5 - 2018
Về việc: Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Hoàng Ngọc Sông

2, Ông Nguyễn Văn Phiến

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Giàng Chẩn Sồ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh PHẠM VĂN T - Sinh năm: 1987
Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Vắng mặt

- Bị đơn: Chị TRẦN THỊ H - Sinh năm 1987
Địa chỉ: thôn S, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
Có mặt.

NHẬN THẤY

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau ngày 22/8/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND

xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Việc kết hôn giữa hai anh chị trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân quá trình tìm hiểu chưa kỹ nên khi về chung sống với nhau không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù cả hai bên đã cùng cố gắng khắc phục khuyết điểm của nhau nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân. Nay thấy rằng vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể chung sống cùng nhau nên anh đề nghị được giải quyết ly hôn với chị Trần Thị H.

* Về con chung: Anh T và chị H cùng xác nhận vợ chồng không có con chung.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung.

Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 3 năm 2018 bị đơn chị H xác nhận về thời gian, địa điểm kết hôn như anh T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng năm tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Nay anh T xin ly hôn quan điểm chị H nhất trí ly hôn.

Do nguyên đơn anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do vậy Tòa án không tiến hành việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không thực hiện được việc hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà nguyên đơn anh T vắng mặt, bị đơn chị H nhất trí ly hôn.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang.

- Việc việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000,đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu xin ly hôn:

Anh T và chị H kết hôn ngày 22/8/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang việc kết hôn là tự nguyện. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Thống và chị Hằng là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn vợ chồng Hội đồng xét xử xét thấy sau khi kết hôn được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã thường xuyên xảy ra việc cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Bản thân anh T thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Xử cho anh T ly hôn chị Trần Thị H.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên .

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn Nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận đơn đề nghị của anh Phạm Văn T về việc xin ly hôn với chị Trần Thị H.

- Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang theo biên lai số: 00716 ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh
-VKSND TP
- Các đương sự
- UBND xã H
-THA
- Lưu.

Hoàng Thị Vân